**NÔI DUNG ÔN TẬP**

**BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TỪ BÀI 1 ĐẾN BÀI 7 LỚP 12**

**Câu 1.** Giá trị công bằng , bình đẳng của pháp luật được thể hiện rõ nhất ở đặc trưng nào dưới đây ?

**A.** Tính xác định chặt chẽ về nội dung.

**B.** Tính xác định chặt chẽ về hình thức

**C.** Tính quyền lực, bắt buộc chung.

**D.** Tính quy phạm phổ biến.

**Câu 2.** Khẳng định nào dưới đây là **không đúng** khi nói về quan hẹ giữa pháp luật với đạo đức?

**A.** Quy phạm pháp luật chủ yếu thể hiện quan niệm về đạo đức.

**B.** Pháp luật là phương tiện đặc thù để thể hiện các giá trị đạo đức.

**C.** Pháp luật là phương tiện đặc thù để bảo vệ các giá trị đạo đức.

**D.** Pháp luật và đạo đức được thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

**Câu 3.** Công dân khi tham gia vào các quan hệ xã hội đều thực hiện cách xử sự phù hợp với quy định của pháp luật là nội dung khái niệm nào dưới đây ?

**A.** Ban hành pháp luật. **B.** Xây dựng pháp luật.

**C.** Thực hiện pháp luật. **D.** Phổ biến pháp luật.

**Câu 4.** Công dân chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm là hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây ?

**A.** Sử dụng pháp luật. **B.** Thi hành pháp luật.

**C.** Tuân thủ pháp luật. **D.** Áp dụng pháp luật.

**Câu 5.** Dấu hiệu nào dưới đây **không phải là** một trong những căn cứ để xác định hành vi vi phạm pháp luật?

**A.** Hành vi chứa đựng lỗi của chủ thể thực hiện.

**B.** Hành vi do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện.

**C.** Hành vi do người có thẩm quyền thực hiện theo quy định của pháp luật.

**D.** Hành vi xâm hại tới các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

**Câu 6.** Những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích của công dân, của xã hội sẽ bị nhà nước

**A.** xử lí thật nặng. **B.** xử lí nghiêm minh.

**C.** xử phạt nghiêm minh. **D.** xử phạt thật nặng.

**Câu 7.** Phó chủ tịch UBND Quận X cùng giám đốc công ty Y lợi dụng chức vụ để tham ô 14 tỉ đồng. mặc dù cả 2 đều giữ chức vụ cao nhưng vẫn bị xét xử nghiêm minh. Điều này thể hiện công dân bình đẳng về

**A.** trách nhiệm pháp lí. **B.** trách nhiệm kinh doanh.

**C.** nghĩa vụ pháp lí. **D.** nghĩa vụ kinh doanh.

**Câu 8.** N ( 19 tuổi) và A (17 tuổi ) cùng lên kế hoạch đi cướp. 2 tên đã cướp xe máy và đâm người lái xe ôm trọng thương ( thương tật 70%). Cả 2 đều bình đẳng trách nhiệm pháp lí nhưng xét điều kiện của từng người thì mức xử phạt với N là chung thân với A là 17 năm tù. Dấu hiện nào dưới đây được tòa án sử dụng làm căn cứ để đưa ra mức xử phạt không giống nhau đó ?

 **A.** Độ tuổi của người phạm tội.

 **B.** Mức độ thương tật của người bị hại.

 **C.** Mức độ vi phạm của người phạm tội.

 **D.** Hành vi vi phạm của người phạm tội.

**Câu 9.** Nội dung nào dưới đây **không thuộc** nội dung bình đẳng trong hôn nhân và gia đình ?

1. Bình đẳng giữa cha mẹ và các con.
2. Bình đẳng giữa các cháu và cô dì, chú bác.
3. Bình đẳng giữa ông bà và cháu.
4. Bình đẳng giữa anh, chị em.

**Câu 10.** Nội dung nào dưới đây **không thể hiện** bình đẳng trong quan hệ hôn nhân và gia đình ?

1. Phân biệt đối xử trong các quan hệ.
2. Tôn trọng lẫn nhau trong các quan hệ.
3. Dân chủ và công bằng trong các quan hệ.
4. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong các mối quan hệ.

**Câu 11.** Hành vi nào dưới đây **không thể hiện** quan hệ bình đẳng giữa vợ và chồng theo quy định của pháp luật ?

1. Mỗi lần uống rượu say, anh A thường đánh đập vợ.
2. Anh B luôn tạo điều kiện cho vợ đi học để nâng cao trình độ.
3. Khi con ốm, vợ chồng anh C thay nhau nghỉ làm để chăm sóc con.
4. Vợ chồng anh D bàn bạc, thống nhất về thời gian sinh con thứ 2.

**Câu 12.**Tòa án giải quyết cho li hôn theo yêu cầu của một bên nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được là biểu hiện của

1. bất bình đẳng giữa vợ và chồng.
2. bình đẳng giữa vợ và chồng.
3. bất bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình.
4. bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình.

**Câu 13.**Do phải chuyển công tác nên anh T đã bắt vợ mình phải chuyển gia đình đến ở gần nơi công tác mới của mình. Anh T đã vi phạm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng về

1. sở hữu tài sản riêng. **B.** lựa chọn nơi cư trú.

**C.** mua bán, trao đổi. **D.** dùng tài sản chung.

**Câu 14.** Chị M muốn đi học để nâng cao trình độ chuyên môn nhưng chồng chị không đồng ý với lí do phụ nữ không nên học nhiều. Chồng chị M đã vi phạm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng về

1. tôn trọng, giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau.
2. việc được tham gia hoạt động chính trị - xã hội.
3. quyền được lao động và cống hiến trong cuộc sống.
4. giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt.

**Câu 15.** Chị P theo đạo Thiên Chúa. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, chồng chị - anh Q - yêu cầu chị P phải bỏ đạo Thiên Chúa, chuyển sang theo đạo Phật. Anh Q đã vi phạm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng về nội dung nào dưới đây ?

1. Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau.
2. Bình đẳng giữa các tôn giáo trước pháp luật.
3. Tự do thờ cúng tôn giáo, tín ngưỡng.
4. Hoạt động tôn giáo.

**Câu 16.** Để có tiền chi tiêu thêm, A ( năm nay 14 tuổi) đã xin vào làm nhân viên ở quán karaoke. Nếu là bạn của A, em sẽ lựa chọn cách ứng xử nào sau đây cho phù hợp với quy định của pháp luật ?

1. Đồng ý với bạn và cũng xin vào làm cùng.
2. Coi như không biết để bạn có thể tự tin làm việc.
3. Khuyên bạn bỏ công việc này vì trái với quy định của Luật Lao động.
4. Báo cáo công an đến phạt chủ quán vì sử dụng lao động trái quy định của pháp luật.

**Câu 17.** Thấy H được công ty tạo điều kiện cho nghỉ giữa giờ làm việc 60 phút vì đang mang thai, chị T (đang không mang thai) cũng yêu cầu được nghỉ như chị H vì là lao động nữ. Theo quy định của pháp luật thì chị T

1. không được nghỉ vì ảnh hưởng đến công việc.
2. không được nghỉ vì không thuộc đối tượng ưu đãi của pháp luật.
3. cũng được nghỉ để đảm bảo thời gian lao động.
4. cũng được nghỉ để đảm bảo sức khỏe lao động.

**Câu 18.** Câu Pháp luật Việt Nam về quyền bình đẳng giữa các dân tộc được xác định trong phạm vi nào dưới đây ?

1. Một quốc gia. **B.** Một dân tộc.

**C.** Một cộng đồng dân cư. **D.** Một vùng, miền.

**Câu 19.** Quyền bình đẳng giữa các dân tộc được xây dựng dựa trên cơ sở nào dưới

đây ?

1. Quyền cơ bản của con người và quyền công dân.
2. Quyền cơ bản của con người và quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.
3. Quyền cơ bản của con người và quyền dân chủ của công dân.
4. Quyền cơ bản của con người và quyền tự do, dân chủ của công dân.

**Câu 20.** Khó khăn cơ bản nhất trong thực hiện quyền bình đẳng về kinh tế là các dân tộc

1. bất đồng về ngôn ngữ và trình độ văn hóa trên lệch nhau.
2. luôn kì thị và thiếu tôn trọng nhau trong hợp tác, phát triển.
3. có trình độ phát triển kinh tế và xã hội chênh lệch.
4. hay cạnh tranh nhau trong việc tranh thủ các nguồn đầu tư.

**Câu 21.** Nhà nước luôn đặc biệt quan tâm đầu tư phát triển cho các dân tộc ở vùng sâu vùng xa, vùng đồng bòa dân tộc thiểu số vì đây là những vùng

**A.** có lợi thế cạnh trạnh trong phát triển kinh tế.

**B.** có trình độ phát triển kinh tế còn thấp.

**C.** có đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn.

**D.** có trình độ sản xuất nông nghiệp còn thấp.

**Câu 22.** Theo quy định của pháp luật, công dân thuộc các tôn giáo được nhà nước công nhận đều

**A.** bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.

**B.** thực hiện tốt nghĩa vụ công dân.

**C.** được đảm bảo công bằng.

**D.** hưởng mọi quyền lợi như nhau.

**Câu 23.** Nội dung nào dưới đây thể hiện ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các tôn giáo

**A.** tạo cơ sở cho các tôn giáo nhỏ có thể phát triển bình đẳng với tôn giáo lớn.

**B.** góp phần phát huy sức mạnh nôi lực của dân tộc Việt Nam.

**C.** là cơ sở, tiền đề quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc.

**D.** ngăn chặn các hành vi lợi dụng tôn giáo để chống phá nhà nước.

**Câu 24.** Các cơ sở tôn giáo hợp pháp được

1. pháp luật bảo hộ. **B.** tổ chức tôn giáo giữ bí mật.

**C.** Mặt trận tổ quốc giữ gìn. **D.** Đảng quản lí.

**Câu 25.** Trong các quyền dưới đây, quyền nào là quyền tự do cơ bản của công dân ?

1. Quyền tham gia bầu cử, ứng cử.

**B.** Quyền bình đẳng trong lao động.

**C.** Quyền khiếu nại, tố cáo.

**D.** Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.

**Câu 26.** Quyền nào dưới đây **không phải là** quyền tự do cơ bản của công dân ?

1. Quyền tự do ngôn luận.
2. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể.
3. Quyền tham gia bầu cử, ứng cử.
4. Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.

**Câu 27.** Các quyền tự do cơ bản của công dân quy định mối quan hệ giữa

1. công dân với pháp luật. **B.** công dân với nhà nước.
2. công dân với các tổ chức. **D.** công dân với công dân.

**Câu 28.** Nhận định nào dưới dây là đúng ?

1. Bất cứ ai cũng có quyền ra lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp.
2. Mọi người đều có quyền ra lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp
3. Chỉ những người có thẩm quyền theo qui định của pháp luật mới có quyền ra lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp.
4. Tòa án và Viện Kiểm sát có thẩm quyền theo quy định của pháp luật mới có quyền ra lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp.

**Câu 29.** Bất kì ai cũng có quyền bắt người trong trường hợp

1. người đó phạm tội nghiêm trọng.
2. người đó đang thực hiện tội phạm.
3. có thông tin cho rằng người đó đã thực hiện hành vi tội phạm.
4. có căn cứ cho rằng người đó đã thực hiện hành vi tội phạm.

**Câu 30.** Trong một số trường hợp cần thiết thì những người có thẩm quyền được phép bắt, giữ người nhưng phải theo đúng

1. công đoạn và trình tự do pháp luật quy định.
2. trình tự và thủ tục do pháp luật quy định.
3. công đoạn và thủ tục do pháp luật quy định.
4. quy định và thủ tục của pháp luật.

**Câu 31.** Khi phát hiện người phạm tội quả tang thì chủ thể nào dưới đây có quyền bắt người đó ?

1. Công an.
2. Bất kì người nào.
3. Những người mà pháp luật cho phép.
4. Những người có thẩm quyền

**Câu 32.** Trường hợp nào dưới đây vi phạm quyền tự do ngôn luận ?

1. Phát biểu ý kiến nhầm xây dựng cơ quan, trường học, địa phương mình.
2. Kiến nghị với đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân trong các dịp đại biểu tiếp xúc cử tri.
3. Phát biểu những nội dung vượt quá thẩm quyền cho phép.
4. Góp ý cho dự thảo luật mới.

**Câu 33.** Hành vi nào dưới đây **không thể hiện** quyền tự do ngôn luận của công dân ?

1. Tích cực nếu ý kiến mỗi khi Nhà nước ban hành dự thảo luật và tổ chức trưng cầu ý dân.
2. Không lắng nghe ý kiến phát biểu của cấp dưới trong cuộc họp.
3. Viết bài đăng báo để bày tỏ quan điểm của mình về những vấn đề chính trị, xã hội.
4. Viết suy nghĩ các nhân của mình trên mạng xã hội về các vấn đề chính trị, xã hội mà không xâm hai đến qui tắc quản lí Nhà nước.

**Câu 34.** Công dân không nên làm gì khi thực hiện các quyền tự do cơ bản của mình ?

1. Học tập, tìm hiểu để nắm được nội dung các quyền tự do cơ bản của mình.
2. Phê phán, đấu tranh, tố cáo những việc làm trái pháp luật vi phạm quyền tự do cơ bản của công dân.
3. Thực hiện quyền tự do của mình mà không quan tâm đến người khác.
4. Tự rèn luyện, nâng cao ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật, tự giác tuân thủ pháp luật.

**Câu 35.** Dân chủ với những quy chế, thiết chế để nhân dân thảo luận, biểu quyết tham gia trực tiếp quyết định công việc của cộng đồng, của Nhà nước là nội dung hình thức dân chủ

**A.** trực tiếp. **B.** gián tiếp.

**C.** tập trung. **D.** xã hội chủ nghĩa.

**Câu 36.** Hiến pháp năm 2013 quy định

**A.** công dân đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử và ứng cử.

**B.** công dân đủ 21 tuổi trở lên có quyền bầu cử và ứng cử.

**C.** công dân từ 18 đến 21 tuổi có quyền bầu cử và ứng cử.

**D.** công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử.

**Câu 37.** Gia đình ông A nhận được quyết định của xã về việc thu hồi một phần đất của gia đình để làm đường giao thông. Gia đình ông A không đồng ý và không biết phải làm gì. Em sẽ lựa chọn cách làm phù hợp với pháp luật nào dưới đây để giúp gia đình ông A ?

**A.** Thuê luật sư để giải quyết.

**B.** Phải chấp nhận vì đó là quyết định của xã, không thể thay đổi.

**C.** Viết đơn khiếu nại gửi tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

**D.** Viết đơn khiếu nại gửi tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

**Câu 38.** Chị L là kế toán của xã H. Nhiều lần chị phát hiện ông chủ tịch xã có hành vi khai khống, gian lận trong chi tiêu tài chính của xã. chị đã khuyên can nhưng ông Chủ tịch dọa sẽ đuổi việc chị. Hãy giúp chị L lựa chọn cách làm phù hợp với quy định của pháp luật trong số những cách làm dưới đây ?

**A.** Lờ đi coi như không biết hành vi đó của ông chủ tịch xã.

**B.** Nói cho mọi người trong cơ quan biết về hành vi của ông chủ tịch xã.

**C.** Viết đơn tố cáo ông Chủ tịch xã và gửi lên huyện.

**D.** Báo cáo hành vi của ông Chủ tịch xã với công an huyện.

**Câu 39.** Anh Q - trưởng công an xã – đình chỉ việc thi công và yêu cầu gia đình ông N tháo dỡ công trình đang xây dựng với lí do tự ý xây dựng trái phép. Ông N không tháo dỡ vì cho rằng trưởng công an xã đã lợi dụng quyền hạn để ép buộc gia đình ông. Ông N đã viết đơn kiện trưởng công an xã lên Tòa án nhân dân huyện. Theo em, việc ông N viết đơn kiện anh Q như vậy là ?

**A.** Hoàn toàn hợp lí.

**B.** Thực hiện đúng quyền khiếu nại, tố cáo của công dân.

**C.** Vi phạm quyền khiếu nại, tố cáo của công dân.

**D.** Không tuân theo đúng quy trình khiếu nại và giải quyết khiếu nại.

**Câu 40.** Chị M là kế toán của xã X. Do mâu thuẫn cá nhân với ông T – chủ tịch xã nên chị M đã cố ý tạo chứng cớ giả để tố cáo ông T về tội lạm dụng công quỹ. Nhận định nào dưới đây là đúng về hành vi của chị M ?

**A.** Chị M đã thực hiện quyền tố cáo của công dân.

**B.** Chị M đã lợi dụng quyền tố cáo của công dân.

**C.** Chị M đã vi phạm quyền khiếu nại của công dân.

**D.** Chị M đã thực hiện quyền khiếu nại của công dân.

**HẾT**